

Số: 80/QĐ-UBND

Xuân Giang, ngày 07 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định của UBND huyện Nghi Xuân về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 cho UBND xã Xuân Giang;

Căn cứ vào Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Xuân Giang về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 xã Xuân Giang.

(Có phụ lục kèm chi tiết kèm theo)

Điều 2: Giao ban tài chính phối hợp với các ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Văn phòng HĐND-UBND, Ban tài chính xã và các Ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nội nhận:

- HĐND, UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện
- Đảng ủy; HĐND xã;
- Chủ tịch, P.Chủ tịch xã;
- Các tổ chức chính trị XH;
- Trưởng các thôn;
- Lưu VT, TCNS.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN GIANG**

Biểu số 116/CK TC-NSNN

CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG		QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI		QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU		16.754.798	TỔNG SỐ CHI		16.754.798
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		71.556	I. Chi đầu tư phát triển		6.379.154
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾		4.887.722	II. Chi thường xuyên		8.924.486
III. Thu bổ sung		9.166.813	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)		1.451.158
- Bổ sung cân đối		3.713.674			0
- Bổ sung có mục tiêu		5.453.139			0
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		0	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên		0
V. Thu viện trợ		0			0
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)		2.628.707			0
Kết dư ngân sách					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN GIANG**

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
TỔNG THU	26.093.000	14.531.000	23.452.275	16.754.798	90%	115%
Thu ngân sách 100%	142.000	142.000	71.555	71.555		
Thu phí	30.000	30.000	31.925	31.925		
Thu lợi công sản	80.000	80.000	16.618	16.618		
Thu GPMB khi nhà nước thu hồi đất	0	0	0	0		
Thu phạt, tịch thu theo quy định	0	0	22.387	22.387		
Thu góp tự nguyện	0	0	0	0		
Thu kết dư ngân sách năm trước	32.000	32.000	625	625	2%	2%
Thu khác	22.203.000	10.641.000	11.585.200	4.887.723	52%	46%
Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	0	0	0	0		
Thu chuyển quyền sử dụng đất	45.000	45.000	57.874	57.874	129%	129%
Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	28.000	28.000	31.341	26.902	112%	96%
Thu môn bài	40.000	40.000	575.508	575.508	1439%	1439%
Thu trước bạ nhà đất	19.410.000	9.705.000	5.715.293	2.857.646	29%	29%
Thu quyền sử dụng đất	30.000	21.000	35.000	24.500	117%	
Thu nhà ở tư nhân	2.530.000	771.000	4.055.321	993.528	160%	129%
Thu tài nguyên	50.000	10.000	115.649	52.001	231%	520%
Thu thuế mặt đất, nước	70.000	21.000	999.214	299.764	1427%	1427%
Thu khác	0	0	0	0		
Thu phân chia khác	0	0	0	0		
Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0	0	2.628.707	2.628.707		
Thu chuyển nguồn	0	0	0	0		
Thu kết dư ngân sách năm trước	3.748.000	3.748.000	9.166.813	9.166.813		
Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.748.000	3.748.000	3.713.674	3.713.674		
Thu bổ sung cân đối	0	0	5.453.139	5.453.139		
Thu bổ sung có mục tiêu	0	0	0	0		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
TỔNG CHI	14.531.000	9.726.000	4.805.000	16.754.798	7.180.222	9.574.576	115%	74%	199%
Chi AN-QP	160.000	0	160.000	273.614	0	273.614	171%		171%
N GD	1.010.000	1.000.000	10.000	2.207.012	2.207.012	0	219%	221%	0%
N Y tế - DS KHHGD TE	4.000	0	4.000	193.766	0	193.766	4844%		4844%
N VH TT	30.000	0	30.000	119.942	0	119.942	400%		400%
N TD-TT	50.000	0	50.000	45.820	0	45.820	92%		92%
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	131.921	0	131.921			
N Kinh tế	5.755.000	5.195.000	560.000	3.698.554	2.897.606	800.948	64%	56%	143%
N Xã hội	242.826	0	242.826	1.270.831	0	1.270.831	523%		523%
N LNN, đảng, đoàn thể	7.209.174	3.531.000	3.678.174	7.362.180	1.274.536	6.087.644	102%	36%	166%
Chi khác	0	0	0	0	0	0			
Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	0	0	1.451.158	801.068	650.090			
Chợ phòng	70.000	0	70.000	0	0	0			